TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2024
V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Tâm**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Bồng và bà Lê Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2023/TLST- HNGĐ ngày 15/11/2023 về: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 03/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST- HNGĐ ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Cầm Thị H, sinh năm 2004 *(có mặt)*;

Địa chỉ: Thôn Tú Ạ, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Cầm Thị H

Bà: Phan Thị Nhung – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6 - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*);

+ Bị đơn: Anh Cầm Đức T, sinh năm 2000 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn Tú Ạ, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2023; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cầm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị H và anh Cầm Đức T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương vào đầu năm 2022, sau khi cưới ngày 30/03/2022 vợ chồng mới đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã XC, huyện Thường Xuân. Quá trình chung sống vợ chồng yêu thương nhau được thời gian là 03 (ba) tháng thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do điều

kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi cọ, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị H và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cầm Đức T.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị H và anh Cầm Đức T kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống với nhau do phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị H và anh T không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung; về tài sản; công nợ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cầm Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Cầm Đức T đồng ý với phần trình bày về đăng ký kết hôn của chị Cầm Thị H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian khoảng 03 (ba) tháng không có mâu thuẫn gì, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có một số mâu thuẫn nhỏ nhặt không đáng kể trong cuộc sống nên chị H bỏ về ở với bố mẹ đẻ từ tháng 06/2022 đến nay. Và cũng tính từ thời gian đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh T mong Tòa án hòa giải để vợ chồng quay lại đoàn tụ.

Về con chung: Chị Cầm Thị H và anh Cầm Đức T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Chị Cầm Thị H và anh Cầm Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/11/2023 về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T tại địa phương thể hiện: Ông Cầm Bá Đ là ông nội anh Cầm Đức T cho biết, bố mẹ đẻ cháu T đi làm ăn xa, vợ chồng các cháu kết hôn từ năm 2022, các cháu đăng ký hộ khẩu và ở cùng ông, bà nội. Sau kết hôn vợ chồng các cháu sống yêu thương nhau không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, từ tháng 06/2022 đến nay cháu H bỏ đi không còn chung sống với cháu T nữa, gia đình cũng đã nhiều lần liên lạc với cháu H để động viên cháu quay về nhưng cháu không về. Nay biết cháu H làm đơn xin ly hôn cháu T, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương cũng xác nhận công dân Cầm Thị H và

anh Cầm Đức T chung sống với nhau có mâu thuẫn gì thì địa phương cũng không rõ, chỉ biết chị H đã bỏ nhà đi từ tháng 06/2022 đến nay, nay được biết Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b Điều 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cầm Thị H được ly hôn với anh Cầm Đức T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không xem xét.

Về tài sản; công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Chị Cầm Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xin ly hôn với anh Cầm Đức T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2].*Về hôn nhân*: Chị Cầm Thị H và anh Cầm Đức T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyện vọng xin ly hôn của chị H là có cơ sở, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T nảy sinh mâu thuẫn từ sau 03 (ba) tháng khi kết hôn, như vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, bất đồng quan điểm sống dẫn đến chị H và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2022 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại đoàn tụ được với nhau. Ngày 29/11/2023 Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống tại địa phương. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng việc chị H, anh T hay cãi cọ, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cầm Thị H.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng chưa có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Chị Cầm Thị H và anh Cầm Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Cầm Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cầm Thị H

Về hôn nhân: Chị Cầm Thị H được ly hôn anh Cầm Đức T

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung

Về tài sản; công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Cầm Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002504 ngày 15/11/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị Huyền phải nộp.

Quyền kháng cáo: Chị Cầm Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/02/2024). Anh Cầm Đức T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *Chi cục THADS huyện Thường Xuân;*
- *UBND xã Xuân Chinh;*
- *Đương sự; Trợ giúp viên pháp lý;*
- *Lưu HSVA.*